

# PHƯƠNG THỨC CHUYỂN DỊCH HÀM Ý TRONG CÂU HỎI TỪ TIẾNG ĐỨC SANG TIẾNG VIỆT

Lê Thị Bích Thủy\*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,  
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 15 tháng 09 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 27 tháng 11 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 11 năm 2018

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này giới thiệu các phương thức chuyển dịch hàm ý trong câu hỏi tiếng Đức sang tiếng Việt dựa trên việc phân tích các câu hỏi chứa hàm ý trong vở kịch “Der Besuch der alten Dame” của Friedrich Dürrenmatt và trong đương trong hai dịch phẩm “Bà lớn về thăm” của Phạm Thị Hoài và “Bà tỷ phú về thăm quê” của Lê Chu Cầu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, để đảm bảo được hàm ý của bản gốc, hai dịch giả đã kết hợp nhiều phương thức dịch khác nhau. Phần lớn các câu hỏi tiếng Đức vẫn giữ nguyên hình thức trong tiếng Việt (có dấu hỏi ở cuối câu). Các phương thức được sử dụng chủ yếu là chuyển đổi ngữ pháp (cụ thể như: thay đổi cấu trúc câu, thay đổi vị trí thành phần câu) và chuyển đổi ngữ nghĩa (cụ thể như: thay đổi về phong cách, diễn giải, giải thích cụ thể ý nghĩa của các từ chứa hàm ý trong câu, thêm các trợ từ vào cuối câu để biểu thị nghĩa tình thái, ...). Nghiên cứu cũng chỉ ra một số câu hỏi trong bản gốc đã được chuyển thành câu trần thuật và câu cầu khiến. Điều đó có nghĩa là câu đã có sự chuyển đổi nghĩa, cụ thể là chuyển đổi hành động nói.

*Từ khóa:* phương thức dịch, dịch cải biến, chuyển đổi ngữ pháp, chuyển đổi ngữ nghĩa, hàm ý

## 1. Dẫn nhập

Trong tình hình nghiên cứu dịch thuật ở Việt Nam, đã có khá nhiều bài viết về phương pháp, thủ pháp hay phương thức dịch. Tuy nhiên, số tác giả nghiên cứu phương thức dịch hàm ý lại rất ít. Hầu như chưa có bài viết nào phân tích và tổng hợp các phương thức dịch hàm ý trong câu hỏi, đặc biệt đối với cặp ngôn ngữ Đức - Việt. Chính vì thế, mục đích nghiên cứu của chúng tôi là chỉ ra những phương thức cụ thể được các dịch giả sử dụng để chuyển dịch hàm ý trong các câu hỏi từ tiếng Đức sang tiếng Việt. Trong nghiên cứu này, chúng tôi muốn tìm câu trả lời cho câu hỏi sau đây: Có những phương thức nào được sử dụng khi chuyển dịch hàm ý trong câu hỏi tiếng Đức

sang tiếng Việt? Để đạt được mục đích nghiên cứu, chúng tôi dựa trên 192 câu hỏi chứa hàm ý trong tác phẩm được viết bằng tiếng Đức “Der Besuch der alten Dame” của nhà văn người Thụy Sĩ Friedrich Dürrenmatt, xem các câu hỏi đó được dịch như thế nào trong hai bản dịch tiếng Việt là “Bà lớn về thăm” của Phạm Thị Hoài (từ đây viết tắt là PTH) và “Bà tỷ phú về thăm quê” của Lê Chu Cầu (viết tắt là LCC) thông qua các thao tác phân tích và tổng hợp. Nghiên cứu này có ý nghĩa lý luận như sau: dựa trên việc tổng hợp các phương thức dịch của nhiều nhà nghiên cứu dịch thuật cũng như lý luận về hàm ý của một số nhà ngữ dụng học, chúng tôi muốn giới thiệu một cách tổng quan các quan niệm và các cách phân loại phương thức dịch và các loại hàm ý. Đây cũng chính là nội dung được đề cập đến trong phần đầu của nghiên cứu. Ngoài ý nghĩa lý luận, nghiên

\* ĐT.: 84-918483878

Email: lethibichthuy78@gmail.com

cứ có ý nghĩa thực tiễn là góp phần vào công tác dịch thuật cũng như giảng dạy Biên dịch, cụ thể là dịch các tác phẩm văn học vốn chứa rất nhiều hàm ý. Chúng tôi mong muốn những nhà biên dịch, các giảng viên dạy dịch, các sinh viên theo học định hướng Dịch thuật sẽ có thể tham khảo kết quả nghiên cứu cụ thể được trình bày trong phần thứ hai để phục vụ cho mục đích dịch thuật, giảng dạy và học tập của mình.

## 2. Cơ sở lý luận - Phương thức chuyển dịch và hàm ý

### 2.1. Phương thức chuyển dịch

Để chỉ cách thức dịch, các nhà nghiên cứu dịch thuật người Đức dùng các khái niệm như: *Übersetzungsverfahren* (Kautz, 2002), *Übersetzungsmethoden* (Reiß, 1983), *Übersetzungsprozeduren* (Wilss, 1977), ... Tương tự như vậy, các tác giả người Việt cũng sử dụng các thuật ngữ không giống nhau: *thủ pháp dịch (thuật)* (Vũ Văn Đại, 2011; Lê Hoài Ân, 2014), *hình thái dịch thuật/phương sách dịch* (Nguyễn Thượng Hùng, 2005), *phương pháp dịch* (Lê Hùng Tiến, 2007). Trong bài viết này, chúng tôi sẽ sử dụng thuật ngữ *phương thức dịch* để nói chung về cách thức dịch.

*Phương thức dịch* được Kautz (2002: 127-128) định nghĩa là “cách thức mà dịch giả sử dụng để giải quyết các vấn đề về dịch thuật phù hợp với chức năng”. Tác giả cho rằng vấn đề phân loại phương thức dịch vẫn còn gây nhiều tranh cãi trong giới nghiên cứu về dịch thuật. Nhưng về cơ bản, có thể chia thành hai loại là *dịch thay thế* (tức là các yếu tố trong văn bản gốc được thay thế bằng các yếu tố gần như là giống hoàn toàn về nội dung và hình thức) và *dịch chuyển đổi/dịch theo ý* (trong bản dịch đã có sự thay đổi ít nhiều về mặt nội dung và hình thức so với các yếu tố ở văn bản gốc)<sup>1</sup>. Phương thức dịch thứ nhất lại được chia

nhỏ thành: *dịch từ đối từ*, *dịch nguyên văn*, *dịch căn ke (dịch sao phỏng)*, phương thức dịch thứ hai bao gồm: *dịch hoán đổi (chuyển đổi cú pháp)* và *chuyển đổi ngữ nghĩa*<sup>2</sup>.

Vũ Văn Đại (2011: 212-213) đã dựa theo hai tác giả Vinay và Darbelnet (1958) và đưa ra cách phân loại khá tương tự. Ông dùng thuật ngữ *thủ pháp dịch* để chỉ các phương thức dịch, chia chúng thành hai nhóm chính là *thủ pháp trực dịch* gồm: *mượn từ* (emprunt), *sao phỏng* (calque), *dịch nguyên tự* (traduction littérale) và *thủ pháp dịch gián tiếp* gồm: *chuyển từ loại* (transposition), *chuyển điệu* (modulation) (sự biến thiên của thông điệp do thay đổi quan điểm hay cách nhìn), *dịch tương đương* và *dịch cải biến* (adaptation). Theo tác giả này (2011: 236-239), phương thức *dịch cải biến* được áp dụng khi dịch giả muốn cho bản dịch phù hợp với độc giả của văn bản đích. Trong văn bản gốc có thể có những yếu tố văn hóa xã hội chưa thích hợp với đối tượng của văn hóa đích, vì thế chúng cần phải thay đổi ít nhiều để phù hợp với đặc điểm văn hóa đích hơn, để dễ dàng được chấp nhận hoặc dễ được độc giả bản dịch tiếp nhận hơn.

Newmark (1988) cho rằng, ở phương thức *dịch nguyên văn*, bản dịch và bản gốc rất gần gũi nhau xét về mặt hình thức và “các cấu trúc của ngôn ngữ gốc được chuyển dịch sang các cấu trúc gần nhất ở ngôn ngữ đích”. Theo quan điểm của Wilss (1977: 105), trong khi bảo tồn sự tương đương về nội dung giữa các yếu tố văn bản của bản gốc và bản dịch, *dịch nguyên văn* tuân theo hệ thống quy tắc cú pháp của ngôn ngữ đích. Như vậy, không chỉ trong trường hợp cấu trúc câu và trật tự từ ở bản dịch giống hoàn toàn với cấu trúc câu và trật tự từ ở bản gốc như ở ví dụ: “**Ich lerne** Deutsch” → “**Tôi học** tiếng Đức” thì ta mới nói tới phương thức *dịch nguyên văn*. Cả

<sup>1</sup> Cách chia này đã được Wilss (1977: 121) tổng kết từ quan điểm của các nhà nghiên cứu người Pháp.

<sup>2</sup> Những thuật ngữ này dùng theo cách gọi của Lê Hoài Ân (2011: 242, bản dịch luận án tiến sĩ của tác giả).

trong trường hợp dịch giả dù giữ lại cấu trúc câu của ngôn ngữ gốc (tiếng Đức) nhưng thay đổi trật tự một số từ của câu cho phù hợp với các quy tắc cú pháp của ngôn ngữ đích là tiếng Việt thì “Tôi đã **đọc** quyển sách này” vẫn được coi là sản phẩm của phương thức dịch nguyên văn của câu gốc “Ich habe das Buch **gelesen**”.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong thực tế, phương thức *dịch nguyên văn/dịch nguyên tự* được sử dụng hết sức hạn chế, đặc biệt khi các ngôn ngữ thuộc loại hình ngôn ngữ khác nhau (Wilss, 1977: 106; Kautz, 2002: 128). Vì lý do này, Kautz chủ yếu giới thiệu các cách thức dịch thuộc phương thức thứ hai, nhưng ông cũng lưu ý rằng những cách thức đó thường được sử dụng kết hợp với nhau, tùy từng cặp ngôn ngữ và tùy loại hình văn bản mà sẽ có sự vênh nhau, chúng không mang tính áp đặt cũng như không thể dự đoán trước (Kautz, 2002: 129-134). Ông phân chia phương thức dịch thứ hai theo các mảng *ngữ pháp* và *ngữ nghĩa*:

1. *Ngữ pháp*: Ở mảng này chỉ có hình thái và/hoặc cú pháp được thay đổi, chúng bao gồm: những thay đổi trong phạm vi của danh từ (như chuyển đổi số ít sang số nhiều và ngược lại), của động từ (như thay đổi dạng thức từ dạng Verb-ing sang dạng nguyên thể), của thì (từ quá khứ hoàn thành sang hiện tại), ...; chuyển đổi từ loại, thay đổi các hình thái của từ hoặc câu, ...; thay đổi về cú pháp, cấu trúc câu, ...

2. *Ngữ nghĩa*: thay đổi liên quan tới ngữ nghĩa (dùng từ đồng nghĩa, ngược nghĩa, thêm, bớt, cụ thể hóa, khái quát hóa, diễn giải,

...), thay đổi về phong cách (làm mất tính ẩn dụ, ẩn dụ hóa, dùng các chú giải, ...), thay đổi nghĩa hành động nói (chuyển từ câu mệnh lệnh thức sang thành câu hỏi và ngược lại, ...).

Hướng phân chia phương thức dịch theo hình thức lưỡng phân như trên còn có thể thấy ở Koller (2011). Vì quan điểm dịch thuật một mặt là công việc liên quan tới văn hóa, mặt khác là công việc liên quan tới ngôn ngữ, Koller (2011: 53) cho rằng dịch giả phải xem xét dịch thuật ở hai khía cạnh là tiếp xúc văn hóa và tiếp xúc ngôn ngữ. Ở mỗi khía cạnh, ông đều đưa ra hai phương thức dịch, đó là *dịch thích nghi* và *dịch ngoại lai*. Về khía cạnh tiếp xúc văn hóa, *dịch thích nghi* tức là thay thế các yếu tố trong ngôn ngữ nguồn bằng các yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ đích, *dịch ngoại lai* có nghĩa là yếu tố mang đặc trưng văn hóa ở ngôn ngữ nguồn vẫn giữ nguyên khi được chuyển sang ngôn ngữ đích. Về khía cạnh tiếp xúc ngôn ngữ, *dịch thích nghi* là định hướng theo chuẩn mực về ngôn ngữ-phong cách của ngôn ngữ đích, *dịch ngoại lai* là cố gắng giữ lại các cấu trúc ngôn ngữ-phong cách của ngôn ngữ nguồn khi chuyển sang ngôn ngữ đích. Tuy vậy, khi đưa ra các loại hình tương đương, Koller (2011: 230-269) cũng giới thiệu các phương thức dịch cụ thể cho từng loại.

Cũng xuất phát từ hai đường hướng chính trong dịch thuật là dịch ngữ nghĩa và dịch thông báo, Newmark (1988: 45) đề xuất tám phương thức dịch và xếp chúng theo hình chữ V tùy theo mức độ dịch gần gũi với ngôn ngữ nguồn hay ngôn ngữ đích:

**Ngôn ngữ nguồn**

Dịch từ đối từ (word for word translation)

Dịch nguyên văn (literal translation)

Dịch trung thành (faithful translation)

Dịch ngữ nghĩa (semantic translation)

**Ngôn ngữ đích**

Dịch cải biến (adaptation)

Dịch tự do (free translation)

Dịch đặc ngữ (idiomatic translation)

Dịch thông báo (communicative translation)

Theo sơ đồ, có thể thấy *dịch từ đối từ* sát với ngôn ngữ nguồn nhất. Nó được xem là cách dịch tuyến tính, trật tự từ trong ngôn ngữ gốc được giữ nguyên, các từ được dịch

theo nghĩa chung nhất và tách rời văn cảnh. Càng xuống phía dưới đáy chữ V, các cách dịch càng xa dần ngôn ngữ nguồn, và điều đó cũng có nghĩa là càng tiến lại gần ngôn ngữ

đích. Điều này ngược lại đối với các phương thức dịch ở phía nhánh còn lại của chữ V. Xa ngôn ngữ đích nhất và gần ngôn ngữ gốc nhất là *dịch thông báo*. Nó hướng tới độc giả của ngôn ngữ đích, cố gắng chuyển tải ý nghĩa văn cảnh của bản gốc cả về nội dung và hình thức ngôn ngữ sao cho dễ được độc giả của ngôn ngữ đích chấp nhận. Hình thức dịch tự do nhất là *dịch cải biến*. Khi đọc bản dịch được thực hiện theo phương thức này, độc giả có cảm giác như đang đọc một bản gốc vì đây chính là hình thức viết lại bản gốc bằng ngôn ngữ đích. Tuy cách phân chia các phương thức dịch trên của Newmark rất kỹ lưỡng, song chúng không thực tiễn và nhiều khi khó có thể phân biệt một cách rạch ròi và chính xác (Lê Hùng Tiến, 2007: 44-45).

Dựa trên cách phân chia phương thức dịch theo hướng lưỡng phân như: *dịch trung thành* và *dịch tự do*, *dịch thích nghi* và *dịch ngoại lai*, Schreiber (2006) tiếp tục khai thác phương thức dịch theo hướng mới, đó là phương thức dịch gồm ba loại là *dịch chú trọng tới sự bất biến của các yếu tố nằm trong văn bản* (như nội dung và hình thức) (còn gọi là *dịch văn bản*), *dịch chú trọng tới sự bất biến của các yếu tố nằm ngoài văn bản* (nhấn mạnh vào ý định của tác giả bản gốc và tác động của văn bản lên độc giả) và *dịch thay đổi liên ngôn* (bổ sung/ rút gọn). Ngoài ra, ông cũng phân phương thức *dịch văn bản* theo các lĩnh vực là *từ vựng*, *ngữ pháp*, *ngữ nghĩa* và *dịch hỗ trợ*<sup>3</sup>.

Với lý thuyết về loại hình văn bản dựa trên cơ sở chức năng ngôn ngữ của Bühler, Reiß (1983) phân biệt các loại hình văn bản khác nhau và xếp mỗi phương thức dịch theo từng loại hình văn bản. Vì đối với văn bản trọng nội dung, việc đảm bảo sự trọn vẹn về nội dung là quan trọng nhất nên bà đề xuất phương thức dịch “thuần nội dung/bất biến về nội dung”

(schlicht-prosaisch). Ngoài ra, với loại văn bản này, bà cũng lưu ý là nếu thông tin nào đó ở bản gốc không được diễn đạt một cách tường minh, làm cho độc giả của ngôn ngữ đích khó theo dõi thì dịch giả có thể giải thích thêm trong bản dịch. Điều này không thể áp dụng đối với văn bản biểu cảm. Khi dịch văn bản biểu cảm, dịch giả phải chú ý tới việc giữ lại giá trị nghệ thuật-mỹ thuật, nên có thể dùng phương thức dịch “nhận diện” (identifizierend). Trong khi đó, để đảm bảo tính tương đương về hiệu quả kêu gọi, cổ động, ... của văn bản mang chức năng kêu gọi, có thể áp dụng phương thức dịch “cải biến”. Việc giải thích thêm, dùng các lưu ý, ... là một điều cần tránh khi dịch văn bản loại này vì nó sẽ làm mất đi hiệu quả của văn bản mang chức năng kêu gọi (Reiß, 1983: 100-101). Tuy nhiên, trong một nghiên cứu khác, Reiß (1977) dùng khái niệm *loại hình dịch* để nói về *phương thức dịch*. Tùy vào mục đích dịch mà bà đưa ra các loại hình dịch phù hợp: Để phục vụ mục đích nghiên cứu và so sánh ngôn ngữ, có thể áp dụng loại hình dịch *từ đối từ*; giúp cho việc thụ đắc ngôn ngữ có thể dùng *dịch nguyên văn*; nếu muốn người đọc ý thức được sự khác nhau về mặt ngôn ngữ gắn liền với văn hóa có thể *dịch ngoại lai + chú thích*; và muốn đạt hiệu quả giao tiếp, muốn thay đổi chức năng văn bản thì sử dụng *dịch giao tiếp* (Reiß, 1977: 100).

Không đồng nhất thuật ngữ *phương thức dịch* với *loại hình dịch* như Reiß (1977), Nord (1989) lại lồng *phương thức dịch* vào trong *loại hình dịch*, *hình thái dịch*. Bà nhấn mạnh rằng việc lựa chọn loại hình dịch cũng như hình thái dịch không phụ thuộc vào đặc điểm của bản gốc, mà phụ thuộc vào hợp đồng dịch (Nord, 2006: 151). Dựa vào chức năng bản dịch, bà phân ra hai loại hình dịch là *dịch chứng thực*<sup>4</sup> và *dịch công cụ* (Nord, 2010).

<sup>3</sup> Các thuật ngữ trên có sự tham khảo của Lê Hoài Ân (2011: 240, bản dịch luận án tiến sĩ của tác giả).

<sup>4</sup> Các thuật ngữ *dịch chứng thực*, *dịch từ đối từ*, *dịch nguyên văn*, *dịch ngữ văn*, *dịch ngoại lai* được sử dụng theo Lê Hoài Ân (2014: 23-24)

Mỗi loại hình dịch trên lại bao gồm các hình thái dịch khác nhau. *Dịch chứng thực* có chức năng lưu giữ lại tình huống mà tác giả bản gốc giao tiếp với độc giả của mình. Theo đó, bản dịch phải phản ánh được quan hệ giao tiếp giữa tác giả bản gốc và đối tượng tiếp nhận văn bản của họ. Chức năng của bản dịch là thông báo về chức năng của bản gốc. Loại hình *dịch chứng thực* này được Nord chia ra thành bốn hình thái dịch là: *dịch từ đối từ, dịch nguyên văn, dịch ngữ văn, dịch ngoại lai*. Ngược lại với bản *dịch chứng thực*, bản *dịch công cụ* được xem là công cụ để đạt được mục đích giao tiếp trong một tình huống giao tiếp mới ở văn hóa đích. Loại hình dịch này bao gồm *dịch giữ nguyên chức năng* (tức là bản dịch có chức năng giống như bản gốc), *dịch thay đổi chức năng, dịch tương đồng* (thường áp dụng trong dịch các tác phẩm nghệ thuật).

Có thể thấy rằng, khi nghiên cứu để trả lời cho câu hỏi “dịch như thế nào”, các tác giả đã xuất phát từ những quan điểm khác nhau, từ những cách nhìn nhận khác nhau, từ các cặp ngôn ngữ khác nhau để từ đó gọi tên, phân loại các phương thức dịch, vì vậy, ta thấy ít nhiều có sự khác biệt nhưng cũng không ít sự trùng lặp trong các nghiên cứu.

## 2.2. Hàm ý

Trong giao tiếp, nhiều khi người nói không trực tiếp phát ngôn điều mình thực chất đang nghĩ tới, đang hướng tới, tuy nhiên, họ mong muốn người nghe sẽ tự suy luận và phát hiện ra ý đồ giao tiếp của mình. Suy luận mà người nói chủ ý truyền tới người nghe và vượt khỏi phạm vi nội dung ngữ nghĩa của câu được Grice (1975) gọi là hàm ý. Hàm ý dựa trên nội dung của điều được nói ra, đồng thời dựa trên *nguyên tắc cộng tác*. Theo Liedtke (2016: 70), chúng ta nói chuyện với người khác dựa theo *nguyên tắc cộng tác*: Ta cho rằng người kia đang cộng tác với mình và biết rằng họ cũng mong chờ như vậy từ phía mình. Tuy nhiên,

vì nguyên tắc trên rất chung chung nên cần phải được cụ thể hóa thành các phương châm và Grice (1975) gọi đó là các phương châm *Lượng, Chất, Quan hệ* và *Cách thức*. Nội dung của các phương châm trên là: người nói cần làm cho lượng thông tin vừa đủ theo đòi hỏi của mục đích hội thoại (phương châm *Lượng*); làm cho phát ngôn là thật, cụ thể là không nói những gì mình cho là sai hoặc thiếu bằng chứng (phương châm *Chất*); chỉ nói những gì có liên quan (phương châm *Quan hệ*) và nói sao cho dễ hiểu, có lô-gic, cụ thể là tránh diễn đạt tối nghĩa, mơ hồ, dài dòng không cần thiết (phương châm *Cách thức*). Nguyên tắc cộng tác và phương châm hội thoại tạo nên phong nền để từ đó có thể xuất hiện hàm ý hội thoại (Rolf, 2013: 45). Người nói có thể tuân theo nhưng cũng có thể vi phạm nguyên tắc cộng tác và phương châm hội thoại. Hàm ý có thể xuất hiện trong cả hai trường hợp.

Hàm ý được chia thành hai loại là *hàm ý quy ước* và *hàm ý hội thoại*. *Hàm ý quy ước* được hiểu là các ý không được nói ra một cách trực tiếp nhưng nhờ dựa vào từ vựng và cú pháp thể hiện trong câu mà có thể suy ra được. Hàm ý loại này không phụ thuộc vào ngữ cảnh, chúng thường được suy ra thông qua các diễn đạt trực chỉ diễn ngôn (*tuy nhiên, ngoài ra, dù sao, mặc dù vậy, mặc dù, ..*), các diễn đạt trực chỉ xã hội (*ngài, phu nhân, bạn, đáng tối cao, ...*), ... (Hagemann, 2011: 225-226).

Ví dụ: *Cái điện thoại này giá chỉ có bốn triệu thôi.* (Hàm ý: Cái điện thoại này rẻ.)

Grice (1975) chia *hàm ý hội thoại* thành *hàm ý hội thoại đặc thù* và *hàm ý hội thoại khái quát*. *Hàm ý hội thoại đặc thù* chỉ xuất hiện tùy vào ngữ cảnh và hiểu biết về ngữ cảnh của người nói và người nghe.

Ví dụ: *A: Đi bơi đi! - B: Lạnh lắm!* (B hàm ý là: Trời lạnh như vậy không nên đi bơi.)

Trong khi đó, *hàm ý hội thoại khái quát* xuất hiện mà không cần một ngữ cảnh nhất

định nào (Liedtke, 2016: 77). Một trường hợp quen thuộc hay gặp trong tiếng Đức hay tiếng Anh là việc sử dụng quán từ không xác định. Một số tác giả như Larry Horn, Gerald Gazdar và Stephen Levinson đã chia nhỏ hàm ý khái quát thành hai loại là hàm ý thang độ và hàm ý mệnh đề (Liedtke, 2016: 96).

### 3. Kết quả phân tích ngữ liệu

Theo kết quả thống kê, trong tác phẩm “Der Besuch der alten Dame” có tất cả 220 câu hỏi và trong số đó có tới 192 câu hỏi chứa hàm ý, số còn lại là những câu hỏi chính danh, tức là hỏi để lấy thông tin. Vì hàm ý là đối tượng nghiên cứu nên chúng tôi chỉ chú ý tới các câu hỏi chứa hàm ý. Hàm ý trong phần lớn các câu hỏi loại này đều được chuyển dịch dù ít hay nhiều sang tiếng Việt. Tuy nhiên, cũng có những câu bị lược bỏ trong quá trình dịch. Những trường hợp này chúng tôi không xét tới và không phân tích, vì theo quan điểm của chúng tôi, đó không phải là những phương thức có giá trị và vì vậy không nên áp dụng.

Trong số 192 câu hỏi chứa hàm ý, có 180 câu được PTH giữ nguyên hình thức câu hỏi (có dấu hỏi ở cuối câu) khi chuyển dịch sang tiếng Việt, ba câu hỏi được chuyển thành dạng câu cầu khiến, một câu hỏi thành câu trần thuật và có tới tám câu không được dịch. Ở bản dịch của LCC, số các câu hỏi giữ nguyên hình thức là 187 câu. Chỉ có hai câu được chuyển sang dạng câu cầu khiến và hai câu trần thuật. Có duy nhất một câu hỏi không được LCC chuyển dịch.

#### 3.1. Giữ nguyên hình thức câu hỏi

##### 3.1.1. Dịch nguyên văn

Trong cả hai bản dịch, các dịch giả đều có xu hướng ít sử dụng cách dịch nguyên văn. Điều này thể hiện khá rõ qua các con số sau đây: bản dịch của PTH có 5/192 và của LCC có 18/192 câu dịch nguyên văn và phần lớn các câu đó là những câu tỉnh lược gồm từ một đến ba từ. Ví dụ dưới đây cho thấy cách dịch

nguyên văn vẫn giữ được hàm ý ngạc nhiên, sùng sốt pha chút sợ hãi của ông chồng số 8:

[1] Gatte VIII: Um Gotteswillen, Hopsi! Hast du gehört? - Claire Z.: Der schwarze Panther. Er fauchte. - Gatte VIII verwundert: **Ein schwarzer Panther?** - Claire: Vom Pascha von Marraketsch. Ein Geschenk. Läuft nebenan im Salon herum. Ein großes, böses Kätzchen mit funkelnden Augen. (Dürrenmatt, 1998: 61) → Ôi vợ, cái gì thế? Vợ có nghe thấy không? - Bà lớn Giang Cẩm Lai: À, con báo đen nó thừ giọng. - Ông chồng số 8 (kinh ngạc): **Con báo đen?** - Bà lớn Giang Cẩm Lai: Quà tặng của tổng thống Nam Phi. Nó ở phòng khách bên cạnh, chắc đang cuồng cẳng. Một con mèo cực lớn, cực dữ tợn, mắt sáng quắc. (PTH, 2006: 68)

Chỉ có hai trường hợp hiếm hoi mà câu hỏi trong bản gốc là một câu trọn vẹn với đủ các thành phần chủ ngữ, vị ngữ và danh ngữ được dịch nguyên văn và cả hai trường hợp đó đều thấy trong bản dịch của LCC. Xét trường hợp sau đây, khi người hầu của bà Claire nói chuyện với hai người mù về những chuyện xảy ra trong quá khứ:

[2] So ist es. Claire Zachanassian ließ euch suchen. In der ganzen Welt. Jakob Hühnlein war nach Kanada ausgewandert und Ludwig Sparr nach Australien. Aber sie fand euch. **Was hat sie mit euch getan?** (Dürrenmatt, 1998: 48) → Đúng thế. Bà Claire Zachanassian đã cho truy tìm mấy người trên khắp thế giới. Jakob Huehnlein đã di dân sang Canada, còn Ludwig Sparr sang Úc. Thế mà bà vẫn tìm ra mấy người. **Rồi bà đã làm gì với mấy người?** (LCC, 2006: 17).

Hàm ý của câu hỏi trong bản gốc được tạo ra do sự vi phạm phương châm về chất: thay vì đặt ra câu hỏi như ở ví dụ trên, người hầu có thể yêu cầu hai người đàn ông kia kể mọi chuyện xảy ra trong quá khứ. Rõ ràng ông ta đã biết mọi chuyện nên việc hỏi như vậy chỉ là đóng kịch. Hàm ý *Tôi đã biết điều*

này rồi, nhưng tôi vẫn muốn các ông nói lại một lần nữa trong bản gốc đã được giữ khá nguyên vẹn trong bản dịch thông qua cách dịch nguyên văn. Bản dịch có sự thay đổi một chút về vị trí động từ so với bản gốc: Trong bản gốc, tác giả dùng thời quá khứ (Perfekt) với cấu trúc là trợ động từ “haben” chia theo ngôi đứng ở vị trí thứ hai trong câu và phân từ hai đứng ở cuối câu, nhưng trong tiếng Việt, do trật tự các thành phần câu trong tiếng Việt là SVO nên dịch giả buộc phải đẩy phân từ hai lên vị trí sau chủ ngữ. Còn các thành phần khác về cơ bản vẫn giữ nguyên vị trí giống như trong bản tiếng Đức.

### 3.1.2. Chuyển đổi ngữ pháp

Phương pháp này chủ yếu liên quan tới việc thay đổi cú pháp, cấu trúc câu. Trước hết là việc các câu hỏi trong bản gốc vốn được viết dưới dạng tỉnh lược, nhưng trong bản dịch, chúng được thể hiện bằng câu hoàn chỉnh, nghĩa là thêm cả chủ ngữ, vị ngữ hoặc các thành phần câu khác. Phương thức này được áp dụng khá nhiều trong bản dịch của cả hai dịch giả.

Xét đoạn thoại [3] diễn ra trong bối cảnh mọi người nói với nhau về cuộc sống ở Gullen:

[3] Der Zweite: Nun halten nicht einmal die Personenzüge. Nur zwei von Kaffigen und der Einuhrdreizehn von Kalberstadt. - Der Dritte: Ruiniert. - Der Vierte: Die Wagnerwerke zusammengekracht. - Der Erste: Bockmann bankrott. - Der Zweite: Die Platz-an-der-Sonne-Hütte eingegangen. - Der Dritte: Leben von der Arbeitslosenunterstützung. - Der Vierte: Von der Suppenanstalt. - Der Erste: **Leben?** - Der Zweite: Vegetieren. - Der Dritte: Krepieren. - Der Vierte: Das ganze Städtchen. (Dürrenmatt, 1998: 14) → Người thứ hai: Bây giờ thì ngay cả tàu chợ cũng chẳng ngừng lại. Chỉ còn hai chuyến từ Kaffigen và chuyến 1 giờ 13 phút từ Kalberstadt. - Người thứ ba: Suy sụp hết rồi. - Người thứ tư: Các xưởng

máy của hãng Wagner đổ nát cả. - Người thứ nhất: Hãng Bockmann phá sản. - Người thứ hai: Hãng luyện kim “Chỗ đứng dưới ánh mặt trời” 5 bị xóa sổ. - Người thứ ba: Sống nhờ trợ cấp thất nghiệp. - Người thứ tư: Nhờ vào cơm cháo của các cơ quan từ thiện. - Người thứ nhất: **Thế mà là sống ư?** - Người thứ hai: Sống vất vưởng. - Người thứ ba: Ngắc ngoải chờ chết. - Người thứ tư: Hết cả thành phố. (LCC, 2006: 2)

“Leben?” trong đoạn trích ở bản gốc là một câu hỏi ở dạng tỉnh lược, nhắc lại động từ “leben” của câu trước đó: “Leben von der Arbeitslosenunterstützung” (sống nhờ vào tiền trợ cấp thất nghiệp). LCC đã chuyển câu hỏi tỉnh lược đó thành “**Thế mà là sống ư?**”. Với việc thêm cụm từ “thế mà là” và trợ từ “ư” ở cuối câu, câu dịch thể hiện sự phủ định câu nói của người trước đó: đó không phải là cuộc sống, đó không thể gọi là cuộc sống được. PTH cũng có cách dịch khá giống với LCC khi cũng thêm cụm từ “thế gọi là” và “hay là” cho câu hỏi: “**Thế gọi là sống hay là sít?**” (PTH, 2006: 9). Ở câu này, “sống” đứng sau “thế gọi là” mang một nghĩa tích cực, nhưng đối lập với nó lại là “sít”, thể hiện nghĩa tiêu cực. Nếu trong một câu sử dụng “hay là” mà điều nhắc tới ở về trước nó mang tính tích cực, điều nhắc tới ở về sau nó mang nghĩa tiêu cực thì người nói hàm ý nghi ngờ tính tích cực của sự việc đó. Trong trường hợp câu dịch của PTH cũng vậy, rõ ràng người nói nghi ngờ về cái gọi là “sống” của người nói trước đó.

Đôi khi, cùng chuyển dịch một câu tỉnh lược, nhưng hai dịch giả lại có hai cách dịch khác nhau bằng cách dùng các từ để hỏi khác nhau cho bản dịch. Ví dụ, trên chuyến tàu về Gullen, bà Claire đã kéo phanh khẩn cấp và bị ông trưởng tàu yêu cầu giải trình. Bà đã phản ứng lại và nói:

[4] Claire Zachanassian: Sie sind ein Schafskopf. Ich will eben das Städtchen mal

besuchen. **Soll ich etwa aus Ihrem Schnellzug springen?** (Dürrenmatt, 1998: 23).

Bà ta nói ra những điều có vẻ ngờ ngẩn như vậy để biện hộ cho hành động kéo phanh khẩn cấp của mình, rằng bà ta làm như vậy vì không có cách nào khác, và như vậy là có lý. Hàm ý trong các câu trên không chỉ được thể hiện qua các động từ tình thái như *sollen*, *wollen*, mà còn thông qua các tiểu từ như *etwa* hay *wohl* vốn có tác dụng làm mạnh thêm tính tu từ. Cách dịch sau đây của PTH khiến người đọc liên tưởng tới một người có tiền, không coi trọng ai và khá chua ngoa, rất phù hợp với tính cách của bà Claire: “Cái ông này đến là ngu. Tôi tạt về thăm thị trấn này. **Chẳng nhẽ tàu của ông đang phi mà tôi phải nhảy xuống chắc?**”. PTH đã chuyển cụm danh từ “Ihrem Schnellzug” (chuyến tàu nhanh của ông) thành một câu hoàn chỉnh “tàu của ông đang phi” và đưa nó lên về đầu tiên, kết hợp với việc thêm “chẳng nhẽ” vào trước câu đó cũng như thêm trợ từ *chắc* vào cuối câu để tạo nên tiền đề cho việc không thể làm ở về thứ hai, đó là “nhảy xuống”.

Bên cạnh việc thay đổi vị trí của các thành phần câu, mở rộng thành phần câu, biến đổi một cụm từ thành một câu hoàn chỉnh, ..., các dịch giả còn tách một câu trong bản gốc thành hai câu hoặc thậm chí ba câu trong bản dịch.

Trong một bài diễn văn trước đông đảo người dân Gullen, ông giáo đã nói như sau:

[5] Güllener. Wir müssen uns klar sein, dass Frau Zachanassian mit dieser Schenkung etwas Bestimmtes will. **Was ist dieses Bestimmte? Will sie uns mit Geld beglücken, mit Gold überhäufen, die Wagnerwerke sanieren, die Platz-an-der-Sonne-Hütte, Bockmann?** Ihr wisst, dass dies nicht so ist. Frau Claire Zachanassian plant Wichtigeres. Sie will für ihre Milliarde Gerechtigkeit, die Gerechtigkeit. Sie will, dass sich unser Gemeinwesen in ein gerechtes

verwandle. Diese Forderung läßt uns stützen. (Dürrenmatt, 1998: 121) → Thừa bà con Quy Lầy! Chúng ta cần ý thức rõ rằng phu nhân Giang Cẩm Lai trao cho ta món quà này với một dụng ý nhất định. **Dụng ý gì vậy? Phu nhân tung tiền, phu nhân rắc vàng bạc châu báu để chúng ta được sung sướng ư? Để nâng cấp nhà máy Vạn Nam? Để đầu tư vào mỏ thiếc Chân Mây, vào hãng gạch Bắc Môn?** Không, chúng ta đều biết là không phải. Điều mà phu nhân Giang Cẩm Lai mong mỏi trọng đại hơn nhiều. Đó là công lí, vâng, một tí đô-la cho công lí. Phu nhân mong muốn cộng đồng ta chuyển mình thành một cộng đồng tôn trọng công lí. (PTH, 2006: 146).

Ở đoạn này, cả hai câu hỏi trong bản gốc đều là những câu hỏi tu từ. Câu hỏi thứ nhất “Was ist dieses Bestimmte?” (Dụng ý gì vậy?) có mục đích dẫn dắt cho các ý ở phía sau, trong khi câu hỏi thứ hai cho người nghe thấy rõ câu trả lời là “Không”. Việc tách câu hỏi thứ hai trong bản tiếng Đức thành ba câu hỏi riêng biệt trong bản dịch tiếng Việt nhằm tăng thêm tính tu từ, tăng sự khúc triết trong bài diễn văn của ông giáo.

Nằm trong phương thức chuyển đổi ngữ pháp còn có cách chuyển đổi dạng câu hỏi. Khi nhận thấy có nhiều người ở Gullen cùng lúc đột nhiên có giày mới, ông Ill đã nghi ngờ và đặt câu hỏi như sau đối với họ:

[6] Ill: Neue Schuhe. **Wie konntet ihr neue Schuhe kaufen?** (Dürrenmatt, 1998: 60).

“Wie” vốn là đại từ nghi vấn, dùng để hỏi về cách thức (mọi người mua được giày mới bằng cách nào), nhưng đã được PTH chuyển thành “lấy đâu ra”: “Ông Yên: Giày mới. **Các người lấy đâu ra tiền mà mua giày mới?**” (PTH, 2006: 67). Thực chất, khi đặt ra câu hỏi trên, ông Ill không mong chờ một câu trả lời. Ông đã lờ mờ đoán được sự việc và muốn qua câu hỏi này cho mọi người thấy mình cũng đã nắm bắt được tình hình đang



diễn ra xung quanh. Trong câu hỏi của ông còn ẩn chứa sự sợ hãi, lo lắng. Tất cả những điều đó đều có thể thấy được ở bản dịch của PTH. Biểu thức “lấy đầu ra + Danh từ + mà + Động từ ...” chính là một cách xử lý thể hiện hàm ý: *các người không có tiền, tôi biết điều đó, vậy tiền để mua giày mới là từ đâu mà có.*

Ở một trường hợp khác, khi ông Ill muốn lên tàu để rời Gullen thì bị đám đông dân chúng Gullen vây quanh. Ông ta đứng bất động, nhìn họ, rồi hỏi:

[7] **Warum seid ihr alle hier?** (Dürrenmatt, 1998: 83) (Tại sao các người lại ở đây?<sup>5</sup>)

PTH đã chuyển đổi câu hỏi về nguyên nhân thành câu hỏi về mục đích: “**Các người ra cả đây làm gì?**” (2006: 98). Với cách chuyển đổi đại từ nghi vấn như vậy, hàm ý ông Ill muốn mọi người nói ra: *Họ cần gì ở ông ta vẫn được đảm bảo.*

Ta xét tiếp ví dụ sau đây, khi bà Claire nói chuyện với ông Ill về cái chân giả của mình:

[8] Ach was. Auch ich bin alt geworden und fett. Dazu mein linkes Bein hin. Ein Autounfall. Ich fahre nur noch Schnellzüge. **Doch die Prothese ist vortrefflich, findest du nicht?** (Dürrenmatt, 1998: 26) → *Vớ vẫn. Tôi cũng già đi, cũng béo chầy mỡ ra đây này. Chân trái của tôi tiêu rồi. Tai nạn ô tô. Bây giờ tôi chỉ đi tàu tốc hành thôi. Nhưng anh thấy cái chân giả này thế nào? Cũng tuyệt đấy chứ?* (PTH, 2006: 26)

Về bản chất, câu hỏi trong bản gốc là một câu hỏi tu từ. Điều này có thể nhận ra qua từ “nicht” (không). Bà Claire đặt ra câu hỏi mà không mong mình nhận được câu trả lời. Dịch giả đã đảo về thứ hai “findest du nicht” lên đầu, đồng thời biến câu hỏi dạng “có - không” thành câu hỏi có từ để hỏi “thế nào”, tức là

hỏi về quan điểm của người nghe, nhưng liền ngay sau đó đã là câu trả lời cho câu hỏi đầu tiên, vừa là sự nhận định, vừa kêu gọi sự đồng tình của người nghe với nhận định của mình: “cũng tuyệt đấy chứ”. Nếu xét kỹ hơn, ta thấy từ phủ định “nicht” đã bị lược đi, tuy nhiên, bản dịch vẫn giữ được tính chất tu từ và hàm ý của bản gốc: Bà Claire mong đợi câu trả lời đồng tình với nhận định của bà từ phía ông Ill, nhưng bên cạnh đó trong câu nói của bà ẩn chứa sự chua chát.

### 3.1.3. Chuyển đổi ngữ nghĩa

#### *Thay đổi về phong cách*

Ở cả hai bản dịch ta đều thấy phương thức thay đổi phong cách, cụ thể là làm mất tính thành ngữ, được áp dụng. Chẳng hạn, khi nghe ông Ill nói sẽ không tranh đấu nữa (“Ill: Ich kämpfe nicht mehr”), ông giáo đã ngạc nhiên và thốt lên:

[9] Der Lehrer verwundert: **Sagen Sie mal, Sie haben wohl ganz den Verstand verloren vor Angst?** (Dürrenmatt, 2006: 102).

Tính thành ngữ của cụm từ “den Verstand verlieren” (bị điên) ở bản gốc đã bị mất khi PTH (2006: 122) sử dụng cụm từ “hóa lú” mang đầy tính khẩu ngữ: “Ông giáo (ngạc nhiên): **Ơ hay, bác sợ quá hoá lú rồi hả?**”. Hàm ý thể hiện sự ngạc nhiên có pha chút bực mình của ông giáo *Làm sao mà ông phải sợ, tại sao ông lại bỏ cuộc* vẫn giữ nguyên thông qua việc thay đổi phong cách này kết hợp với việc dùng trợ từ *hả* ở cuối câu.

Ở một số câu hỏi khác trong bản gốc, từ ngữ mang văn phong trung tính, nhưng đã được chuyển dịch thành những từ mang văn phong nói. Ví dụ, sau khi nghe ông Ill tuyên bố mình cần thông tin để báo chí biết chuyện bà Claire đang muốn hại mình, ông Chủ tịch huyện gằn ông Ill như sau:

[10] Das ist nun doch die Höhe! **Wer soll Sie denn bedrohen?** (Dürrenmatt, 2006: 71)

<sup>5</sup> Câu dịch của chúng tôi.

Động từ “bedrohen” (đe dọa) ở câu hỏi trên được thay bằng động từ mang phong cách khẩu ngữ, xuống xã là “sờ”: “Cái bác này! **Ai sờ đến bác nào?**” (PTH, 2006: 83). Ở đây đã xuất hiện sự vi phạm phương châm về chất: Chủ tịch huyện giả ngốc, làm ra vẻ không biết chuyện gì xảy ra với ông Ill. Sự vi phạm phương châm trong trường hợp này là một sự vi phạm nguyên tắc cộng tác. Hàm ý của bản gốc được truyền tải sang bản dịch là sự kết hợp giữa việc thay đổi phong cách và việc sử dụng trợ từ *nào* ở cuối câu.

*Diễn giải, giải thích cụ thể ý nghĩa*

Trong cả hai bản dịch, số lượng các câu hỏi chứa hàm ý được hai dịch giả áp dụng phương thức này để chuyển dịch tiếng Đức sang tiếng Việt không phải là nhiều. Có thể xét trường hợp khi ông giáo chê bai bà tỷ phú Claire:

[11] **Gegenüber dieser verfluchten alten Dame, dieser Erzsure, die ihre Männer wechselt vor unseren Augen, schamlos, die unsere Seelen einsammelt?** (Dürrenmatt, 1998: 102).

Dürrenmatt dùng từ “Hure” vốn là từ mang tính chất hết sức miệt thị, một từ chửi thề, dùng để chỉ những phụ nữ quá dễ dãi trong quan hệ với đàn ông, kết hợp với tiền tố “Erz” để diễn đạt sự dễ dãi trong quan hệ với nam giới. Đây chính là bản chất của bà Claire. Để làm toát lên ý nghĩa của từ này trong tiếng Việt, LCC đã phải dùng tới sự kết hợp của rất nhiều từ khác nhau như là một cách giải thích cụ thể cho từ “Erzsure”, đó là “**ả điếm thập thành mặt dạn mày dầy**”, trong đó “**thập thành**” là từ dùng trong văn nói, thể hiện mức độ rất thông thạo, còn “**mặt dạn mày dầy**” thể hiện sự trơ trẽn hết sức: “**Trước mặt già khốn kiếp này ư, trước ả điếm thập thành mặt dạn mày dầy thay chồng soành soạch trước mắt chúng ta và thu mua linh hồn chúng ta ư?**” (LCC, 2006: 40). Trong khi đó, PTH dịch danh từ “Erzsure” thành “con đĩ thập phương” vốn cũng mang

tính miệt thị rất cao, hàm ý là bà Claire không ra gì, có quan hệ với quá nhiều đàn ông: “**Trước con mụ già khốn kiếp, con đĩ thập phương thay chồng xoành xoạch ngay trước mắt chúng ta, đồ vô liêm sỉ, rắp tâm thu mua linh hồn chúng ta đó ư?**” (PTH, 2006: 122). Ngoài việc chọn từ rất đắt như trên, cả hai dịch giả còn thêm phụ từ “x(s)oành x(s)oạch” vốn chỉ những hành động xảy ra liên tục vào trước động từ “thay”, giúp người đọc hình dung rất rõ hàm ý chê bai của ông giáo đối với bà Claire: *Bà tỷ phú này thay đổi chồng nhiều quá, không có tư cách đạo đức.*

Việc thêm từ, đặc biệt là các từ láy, còn thấy ở các ví dụ sau đây. Ở ví dụ thứ nhất, khi mọi người nói với ông Ill rằng mình có đồ mới là do mua chịu ở các cửa hàng, ông Ill đã nói rằng:

[12] Ihr liebet’s aufschreiben. Auch bei mir liebet ihr’s aufschreiben. Besseren Tabak, bessere Milch, Kognak. **Warum habt ihr denn auf einmal Kredit in den Geschäften?** (Dürrenmatt, 1998: 60) → Ông Yên: Mua chịu ư? Ở cửa hàng tôi, các người cũng mua chịu. Thuốc lá ngoại. Gạo tám thơm. Rượu “Ông già chồng gậy”. **Sao bỗng dưng khắp nơi đều vui vẻ cho các người mua chịu thế?** (PTH, 2006: 67)

Bản thân câu hỏi trong bản gốc mang tính tu từ. Ông Ill thực ra biết rất rõ lý do các cửa hàng cho người dân Gullen mua chịu, và trong trường hợp này, ông không muốn nghe câu trả lời, mà chỉ muốn chọc tức họ, để họ biết rằng mình biết và hiểu mọi chuyện đang diễn ra. Việc thêm trạng từ “vui vẻ” càng làm tăng thêm tính mỉa mai của ông Ill.

Việc thêm từ cũng xuất hiện trong bản dịch của LCC:

[13] Claire Zachanassian: **Der Personenzug, der in Loken, Brunnhübel, Beisenbach und Leuthenau hält? Sie wollen mir wohl zumuten, eine halbe Stunde durch**

**diese Gegend zu dampfen?** (Dürrenmatt, 2006: 23) → Claire Zachanassian: **Chuyến tàu chợ dừng ở Loken, Brunnhuebel, Beisenbach và Leuthenau ấy à? Chẳng lẽ ông bắt tôi đi chuyến tàu cà rịch cà tang mất nửa tiếng qua vùng đó hay sao?** (LCC, 2006: 6).

Tuy bản gốc không có tính từ để miêu tả chuyến tàu, nhưng thông qua việc liệt kê rất nhiều địa điểm mà con tàu dừng lại, ta có thể hình dung tàu đó là tàu chợ và chạy chậm. Vì thế, LCC đã thêm tính từ “cà rịch cà tang” để miêu tả nó, cho ta hình dung thêm rằng con tàu đó vừa chậm vừa quá cũ kỹ.

*Dùng cách nói phủ định thay cho khẳng định*

Khi được chồng đề nghị cùng cả nhà ngồi lên xe ô tô do cậu con trai lái để đi quanh vùng, bà Yên (Ill) cảm thấy lúng túng, không biết mình nên làm thế nào nên đã hỏi lại:

[14] Frau Ill unsicher: **Ich soll auch mitfahren?** (Dürrenmatt, 1998: 105) (Em cũng đi cùng à?<sup>6</sup>)

PTH dùng cụm từ “thế nào được” ở cuối câu hỏi với hàm ý là “không đi cùng được” để chuyển dịch câu hỏi trên như sau: “Vợ ông Yên (ngần ngại): **Em cùng đi thế nào được?**” (2006: 126). Nếu câu hỏi trên của PTH không có dấu hỏi chấm ở cuối thì rõ ràng đây là một sự phủ định, từ chối. Nhưng vì có dấu hỏi chấm nên câu trên lại biểu đạt đúng sự lúng túng, ngần ngại của vợ ông Ill.

*Thêm trợ từ (tiểu từ) cho câu*

Ở cả hai bản dịch, số lượng các câu hỏi được chuyển dịch sang tiếng Việt và sử dụng trợ từ (tiểu từ) ở cuối câu là khá nhiều. Các trợ từ xuất hiện trong hai bản dịch là: *à, a, ư, hử, há, hờ, chắc, chẳng, chứ, nhỉ, nhé, thế, nào, sao, nhé, vậy, đấy*. Trợ từ vốn được xếp vào lớp

tình thái từ và được sử dụng để biểu thị thái độ, tình cảm, đánh giá, ... của người nói đối với nội dung phát ngôn hoặc với người trực tiếp nói chuyện với mình, hoặc góp phần vào việc thể hiện mục đích phát ngôn (dẫn theo Phạm Hùng Việt, 2003: 71). Chính vì thế, việc dùng các trợ từ trong khi dịch câu hỏi chính là một cách để truyền tải hàm ý hữu hiệu.

Trong bản gốc có khá nhiều câu hỏi chứa hàm ý ngạc nhiên và hàm ý đó đã được thể hiện qua các trợ từ: *ư, sao, a, à, há, hử* trong hai bản dịch. Chẳng hạn, khi thấy ông Ill than vãn về gia đình mình, bà Claire đã tỏ ra ngạc nhiên:

[15] **Mathildchen machte dich nicht glücklich?** (Dürrenmatt, 2006: 38)

Tuy nhiên, đây là sự ngạc nhiên giả tạo. Thực ra, bà ta muốn biết tại sao ông ta lại lâm vào hoàn cảnh như thế. Trong khi PTH (2006: 41) dùng trợ từ *à* để thể hiện ý trên “**Con bé Mai Thi không làm anh hạnh phúc à?**” thì LCC (2006: 13) lại dùng trợ từ *ư*: “**Thế Mathildchen không đem lại hạnh phúc cho ông ư?**”. Hoặc khi nghe bà Claire khoe là người sở hữu khu rừng, ông Ill ngạc nhiên thốt lên:

[16] **Gehört ihr der Konradswelerald denn auch?** (Dürrenmatt, 1998: 113)

Hàm ý ngạc nhiên có pha chút sợ hãi vốn được thể hiện qua tiểu từ “denn auch” trong bản gốc đã được hai dịch giả truyền tải thông qua trợ từ *há* và *sao*: “**Rừng Công Già này chắc cũng của Lài rồi há?**” (PTH, 2006: 136)/ “**Cả cánh rừng Konradswelerald này cũng thuộc về bà sao?**” (LCC, 2006: 45).

Hàm ý vốn được thể hiện rất rõ qua các câu hỏi tu từ. Trong bản tiếng Đức, tác giả đã dùng khá nhiều câu hỏi tu từ. Phần lớn các câu hỏi dạng này được chuyển sang tiếng Việt và có sử dụng trợ từ *chẳng*. Ví dụ, khi cô con gái mặc áo khoét hơi sâu cổ, ông Yên đã khen và sau

<sup>6</sup> Câu dịch của chúng tôi.

đó đặt ra một câu hỏi tu từ với phụ từ “nicht”:

[17] Schön, dein Kleid, Otilie. **Doch gewagt, findest du nicht?** (Dürrenmatt, 1998: 109)

LCC đã thêm *chẳng* vào cuối câu để thể hiện ý là mình không thích cái áo đó: “Áo của con đẹp đấy, Otilie ạ. **Nhưng có hơi hở hang quá chẳng?**” (LCC, 2006: 43). Ngoài ra, một số trợ từ khác cũng xuất hiện ở cuối các câu hỏi tu từ như: *ư, hả, sao, nhỉ*.

Việc thêm trợ từ để thể hiện hàm ý còn thấy rất rõ trong các trường hợp sau đây. Trong cuộc thoại với ông Ill, khi nghe ông ta khẳng định về chuyện mình có cái răng mới bọc bằng vàng, Trưởng phòng công an đã thể hiện sự gắt gỏng, bực mình:

[18] **Wohl verrückt?** (Dürrenmatt, 1998: 66)

Ngoài việc thay đổi câu tình lược trên thành một câu hoàn chỉnh có đầy đủ chủ ngữ và vị ngữ, bà còn kết thúc câu bằng trợ từ “hử”:  
“**Ông điên rồi huh?**” (PTH, 2006: 75). Chính trợ từ này đã giúp truyền tải được hàm ý của bản gốc là: Trưởng phòng công an đang tự bảo vệ mình bằng cách buộc tội cho ông Yên (ông Ill), để bản thân ông ta không phải thừa nhận rằng mình đang có hành vi ứng xử khá tệ.

Trong khi trợ từ *ạ* xuất hiện khá nhiều ở hai bản dịch, đặc biệt là ở bản dịch “Bà lớn về thăm” (9 lần) thì *chắc* chỉ xuất hiện hai lần trong bản dịch của PTH. Khi nói chuyện với ông giáo về quá khứ, ông Ill thừa nhận lỗi làm của mình và không biết nên làm gì.

[19] **Den Unschuldigen spielen?** (Dürrenmatt, 1998: 103)

Ông ta đặt ra câu hỏi tình lược trên vừa để nói với ông giáo, nhưng cũng là để nói với chính mình. PTH giữ nguyên dạng tình lược của câu trên nhưng thêm trợ từ *chắc* vào cuối câu để biểu thị sự bất lực của mình: “**Đóng vai vô tội chắc?**” (PTH, 2006: 122).

### *Dịch cải biến*

Phương thức dịch cải biến chủ yếu được PTH áp dụng và có thể thấy trong một số ví dụ sau. Ở đoạn thoại với ông Ill, nhà chùa đã dò hỏi ông Ill về chuyện trong quá khứ của ông ta với bà Claire:

[20] Der Pfarrer: Sie sind auseinandergeschieden damals. Ich hörte eine unbestimmte Geschichte - **haben Sie Ihrem Pfarrer etwas zu gestehen?** (Dürrenmatt, 1998: 18)

PTH (2006: 14) đã dịch đoạn trên như sau: “Hồi ấy hai bên chia tay nhau, hình như có chuyện gì thì phải. **Ông có điều gì ăn năn không, để tôi cầu Phật cho?**”. Theo Thiên chúa giáo, khi ai đó phạm tội gì đó, họ có thể đến nhà thờ và xưng tội với mục sư. Ở Việt Nam, không phải không có nhiều người theo đạo này, tuy nhiên số lượng người đi chùa, cầu Phật đông hơn rất nhiều. Chính vì thế, dịch giả đã dùng cách dịch cải biến, tức là dùng văn hóa đi chùa cũng như hình ảnh Đức Phật vốn quen thuộc với người Việt để dịch câu trên. Cụ thể là: thay vì “xưng tội”, PTH dùng “ăn năn”, thay vì dùng “mục sư”, PTH dùng “Phật”.

Trong ví dụ sau, PTH kết hợp dịch cải biến với danh từ hóa: Khi thấy Trưởng phòng công an uống bia ngon và đi giày mới, ông Ill đã hỏi:

[21] **Und Sie, Polizeiwachtmeister, womit wollen Sie Ihr Pilsener Bier bezahlen und Ihre neuen Schuhe?** (Dürrenmatt, 1998: 64) → **Thế đồng chí định lấy gì ra trả giày mới với bia Đức?** (PTH, 2006: 73)

Đại từ “Sie” chỉ người đang trực tiếp nói chuyện với mình đã được chuyển dịch thành danh từ “đồng chí”. Trường hợp này hoàn toàn có thể được xếp vào phương thức chuyển đổi ngữ pháp, cụ thể là thay đổi từ loại. Song, xét về mặt ngữ nghĩa của từ “đồng chí” và sự phù hợp với văn hóa đích, cụ thể là văn hóa Việt, chúng tôi lựa chọn phương thức cải biên cho

trường hợp này. Ở Cộng hòa Dân chủ Đức, khái niệm “đồng chí” đã từng được sử dụng. Tuy nhiên, bối cảnh của vở kịch cho phép ta loại bỏ trường hợp câu chuyện đang diễn ra ở Cộng hòa Dân chủ Đức và diễn ra giữa những người được gọi là “đồng chí”. Nhưng vì PTH đã Việt hóa câu chuyện này bằng cách thay thế toàn bộ tên Đức bằng tên Việt Nam, các chức vụ cũng được dịch cải biến cho phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam, nên cách xưng hô “đề gọi một người với tư cách là đảng viên đảng cộng sản, đoàn viên một đoàn thể cách mạng hoặc công dân một nước xã hội chủ nghĩa” (Hoàng Phê, 2003: 342) (trong trường hợp này là người công an) là “đồng chí” cũng rất phù hợp và gần gũi với độc giả người Việt. Bên cạnh việc sử dụng từ ngữ mang khẩu khí chính trị giống ở Việt Nam, PTH còn dịch cải biến tên riêng của một loại bia. Trong khi Dürrenmatt nêu đích danh tên một loại bia của Đức vốn rất được yêu thích ở Đức cũng như ở nhiều nước khác là Pilsener, thì PTH lại khái quát luôn tên loại bia đó thành “bia Đức”. Có thể nói, đây cũng là điều khá hợp lý vì “bia Đức” đối với độc giả người Việt đã là một thương hiệu nổi tiếng và cũng rất được ưa chuộng.

### 3.2. Thay đổi hình thức câu hỏi

#### 3.2.1 Chuyển đổi ngữ pháp

Trong cả hai bản dịch, không có câu hỏi nào được chuyển dịch theo phương thức chuyển đổi ngữ pháp trong khi hình thức câu hỏi không còn nữa.

#### 3.2.2 Chuyển đổi ngữ nghĩa - Thay đổi nghĩa hành động nói

*Câu hỏi được chuyển sang câu cầu khiến chính danh*

Trong bản gốc, khi chưa biết bà Claire chính là vị khách tỷ phú mà cả thành phố Güllen đang chờ nghênh tiếp, ông Trưởng tàu đã tỏ ra rất bức mình khi bà Claire kéo phan

tàu khẩn cấp. Tuy vậy, ông ta vẫn nói với bà Claire bằng giọng lịch sự:

[22] **Darf ich um eine Erklärung bitten?** (Dürrenmatt, 1998: 22)

Đây là câu hỏi không có từ để hỏi, bắt đầu bằng động từ tình thái “dürfen” và qua đó thể hiện yêu cầu ai làm điều gì đó. Hai dịch giả đã dịch đúng ý của bản gốc nhưng thay đổi câu hỏi thành câu cầu khiến chính danh. Điều này có thể nhận ra thông qua từ “yêu cầu”: **“Tôi yêu cầu bà giải thích!”** (PTH, 2006: 20), **“Yêu cầu bà hãy giải thích về hành động của mình.”** (LCC, 2006: 6).

*Câu hỏi được chuyển thành câu trần thuật*

Việc áp dụng phương thức này ở cả hai dịch phẩm đều không phải là phổ biến (Bản dịch của PTH có 1 trường hợp; của LCC có 3 trường hợp). Trong bà Claire hỏi về việc có thỉnh thoảng làm ngõ, cho qua những vụ phạm pháp ở Güllen hay không, Trưởng phòng công an/Viên cảnh sát đã đáp lại bằng cách đưa ra câu hỏi tu từ [23] với hàm ý là *Đây là điều duy nhất mà tôi có thể làm được*:

[23] **Wo käme ich in Güllen sonst hin?** (Dürrenmatt, 1998: 28)

Cả PTH và LCC đều chuyển câu hỏi tu từ trên thành câu trần thuật mang tính chất khẳng định: **“Quy Lầy mà không thể thì chết.”** (PTH, 2006: 28)/ **“Nếu không làm sao sống ở Guellen được.”** (LCC, 2006: 9).

## 4. Kết luận

Để truyền tải hàm ý trong câu hỏi tiếng Đức sang tiếng Việt, đã có khá nhiều phương thức dịch cụ thể được PTH và LCC sử dụng. Một số câu hỏi khi sang tiếng Việt vẫn giữ được hàm ý của bản gốc chỉ thông qua một cách thức dịch, song cũng có không ít câu được dịch bằng cách kết hợp nhiều phương thức khác nhau. Phần lớn các câu hỏi đều giữ

nguyên hình thức, tức là vẫn có dấu hỏi ở cuối câu. Trong nhóm các câu hỏi được giữ nguyên hình thức, có rất ít câu được dịch nguyên văn. Đa số các câu được áp dụng theo cách dịch nguyên văn là những câu tình lược gồm từ một tới ba từ. Để đảm bảo hàm ý ở bản gốc, hai dịch giả chủ yếu dùng phương thức chuyển đổi ngữ pháp và ngữ nghĩa. Phương thức đầu tiên chủ yếu liên quan tới việc thay đổi cấu trúc câu, ví dụ một câu hỏi tình lược được dịch thành câu hoàn chỉnh về mặt hình thức, có đầy đủ các thành phần câu; thay đổi vị trí các thành phần câu, chuyển đổi dạng câu hỏi nguyên nhân thành câu hỏi về mục đích, hay từ câu hỏi về sự việc thành câu hỏi về nguyên nhân/mục đích, ... Phương thức chuyển đổi ngữ nghĩa gồm có thay đổi về phong cách; diễn giải, giải thích cụ thể ý nghĩa của các từ chứa hàm ý trong câu, thêm các từ (ví dụ như từ láy) để làm cho câu văn thêm sinh động, có tính hình tượng; thêm các trợ từ như *à, ư, nhỉ, nhé, nào, đấy, chắc, chứ, ...* vào cuối câu để biểu thị nghĩa tình thái của câu; dùng cách nói phủ định thay cho cách nói khẳng định. Vì số câu hỏi khi được dịch sang tiếng Việt thay đổi hình thức, tức là được chuyển sang câu trần thuật hoặc câu cầu khiến không nhiều, nên các phương thức dịch cũng không phong phú như với trường hợp câu hỏi được giữ nguyên hình thức. Ở cả hai bản dịch đều không có câu nào được dịch theo phương thức chuyển đổi ngữ pháp. Về chuyển đổi ngữ nghĩa, có sự thay đổi nghĩa hành động nói, cụ thể là chuyển từ hành động hỏi sang cầu khiến hoặc trần thuật.

## Tài liệu tham khảo

### Tiếng Việt

Lê Hoài Ân (2014). *Những khó khăn và phương pháp chuyển ngữ trong quá trình dịch tác phẩm văn học từ tiếng Đức sang tiếng Việt*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Lê Chu Cầu (2006). *Bà ty phú về thăm quê*. Truy cập tại <https://www.diendan.org/dich-thuat/ba-ty-phu-ve-thamque>
- Vũ Văn Đại (2011). *Lí luận và thực tiễn dịch thuật*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm Thị Hoài (2006). *Bà lớn về thăm*. Truy cập tại [http://dulieu.tailieuhoc.vn/books/khoa-hoc-xa-hoi-nhanvan/van-hoc-nuoc-ngoai/file\\_goc\\_775114.pdf](http://dulieu.tailieuhoc.vn/books/khoa-hoc-xa-hoi-nhanvan/van-hoc-nuoc-ngoai/file_goc_775114.pdf)
- Nguyễn Thượng Hùng (2005). *Dịch thuật: Từ lý thuyết đến thực hành*. Tp. Hồ Chí Minh: Nxb Văn hóa Sài Gòn.
- Hoàng Phê (2002) (chủ biên). *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng.
- Lê Hùng Tiến (2007). Vấn đề phương pháp trong dịch thuật Anh-Việt. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Ngoại ngữ*, 23(1), 1-14.
- Phạm Hùng Việt (2003). *Trợ từ trong tiếng Việt hiện đại*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

### Tiếng Đức

- Dürrenmatt, F. (1998). *Der Besuch der alten Dame*. Zürich: Diogenes.
- Hagemann, J. (2011). Konventionale Implikaturen - ein Kuckucksei? In C. Freienstein/ J. Hagemann/ S. Staffeldt (Hrsg.) *Äußern und Bedeuten. Festschrift für Eckard Rolf*. Tübingen: Stauffenburg, 211-230.
- Kautz, U. (2002). *Handbuch des Didaktik des Übersetzens und Dolmetschens*. München: Iudicium.
- Koller, W. (2011). *Einführung in die Übersetzungswissenschaft, 8. Auflage*. Tübingen: A. Francke.
- Lê Hoài Ân (2011). *Übersetzungsprobleme und Lösungsstrategien beim Übersetzen aus dem Vietnamesischen ins Deutsche* (Dissertation). Hamburg.
- Liedtke, F. (2016). *Moderne Pragmatik: Grundbegriffe und Methoden*. Tübingen: A. Francke.
- Nord, C. (2010). *Fertigkeit Übersetzen: Ein Kurs zum Übersetzenlehren und -lernen*. Berlin: BDÜ-Fachverlag.
- Nord, C. (2006). Das Verhältnis des Zieltextes zum Ausgangstext. In Snell-Hornby, Mary u.a. (Hrsg.) *Handbuch Translation, 2., verbesserte Auflage*. Tübingen: Stauffenburg, 141-144.
- Nord, C. (1989). Loyalität statt Treue. Vorschläge zu einer funktionalen Übersetzungstypologie. In *Lebende Sprachen Nr. 3/89*, 100-105.
- Reiß, K. (1983). *Texttyp und Uebersetzungsmethode: der operative Text, 2., unveränderte Auflage*. Heidelberg: Groos./ Koller 2011: Einführung in die Übersetzungswissenschaft. Tübingen: UTB.
- Reiß, K. (1977). Texttypen, Übersetzungstypen und die Beurteilung von Übersetzungen. In *Lebende Sprachen 3/77*, 97-100.

Rolf, E. (2013). *Inferentielle Pragmatik. Zur Theorie der Sprecher-Bedeutung*. Berlin: Erich Schmidt.

Schreiber, M. (2006). Übersetzungstypen und Übersetzungsverfahren. In Snell-Hornby, Mary u.a. (Hrsg.) *Handbuch Translation, 2., verbesserte Auflage*. Tübingen: Stauffenburg, 151-153.

Wilss, W. (1977). *Übersetzungswissenschaft. Probleme*

*und Methoden*. Stuttgart: Klett.

### Tiếng Anh

Grice, H. P. (1975). Logic and Conversation. In P. Cole, & J. L. Morgan (eds.), *Syntax and Semantics, Vol. 3, Speech Acts* (pp. 41-58). New York: Academic Press.

Newmark, P. (1988). *A Textbook of Translation*. New York: Prentice Hall International.

## METHODS FOR TRANSLATING IMPLICATURES IN QUESTIONS FROM GERMAN INTO VIETNAMESE

Le Thi Bich Thuy

*Faculty of German Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,  
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** This article presents the methods used when implicatures in German questions are translated into Vietnamese based on the analysis of questions with implicatures in the drama “Der Besuch der alten Dame” (The Visit/The Visit of the Old Lady) (Friedrich Dürrenmatt) and their equivalences in the translations “Bà lớn về thăm” (Pham Thi Hoai) and “Bà tỳ phú về thăm quê” (Le Chu Cau). The finding shows that the translators combined different translation methods to preserve implicatures in the original drama. The form of most questions wasn’t changed in the translations (they have question marks at the end of the sentence). The main methods are grammar transformations (eg. changing sentence structures, changing positions of components in the sentence) and semantic transformations (eg. changing style, interpreting, explaining the meaning of the words contained in the sentence, adding the adjectives at the end of the sentence to express modal meaning, etc.). The study also shows that some questions in the original version were changed into declarative and imperative sentences. That means there were semantical transformations in the translations, namely transformation of speech acts.

*Keywords:* translation methods, adaptation, grammar transformation, semantic transformation, implicature